CÔNG TY CỔ PHẦN
SÔNG ĐÀ 505

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2025

MỤC LỤC **Trang**

Báo cáo của Ban Giám đốc 1 - 3

Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ 4 - 5

Báo cáo tài chính giữa niên độ

- Bảng cân đối kế toán giữa niên độ 6 - 7
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 8
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 9
- Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 10 - 35

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 505 công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2025 đã được soát xét.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Sông Đà 505 (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Xí nghiệp Sông Đà 505 thuộc Công ty Sông Đà 5 – Tổng Công ty Sông Đà theo Quyết định số 980/QĐ-BXD ngày 22/6/2004 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai (nay là Sở tài chính Tỉnh Gia Lai) cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3903000041 ngày 09/08/2004. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã 13 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5900320629) và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 26/05/2025. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty đã niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là S55. Ngày giao dịch đầu tiên là 22/12/2006.

Vốn điều lệ: 100.000.000.000 đồng

Vốn góp thực tế đến ngày 30/06/2025: 100.000.000.000 đồng

Trụ sở chính

- Địa chỉ: Làng Tăng, Xã IaO, Tỉnh Gia Lai
- Văn phòng giao dịch: Tòa nhà Sông Đà - Đường Phạm Hùng – Phường Từ Liêm - Thành phố Hà Nội
- Điện thoại: (84) 0246.2659505
- Email: songda505.s55@gmail.com
- Website: www.songda505.com.vn

Công ty có 5 Công ty con và 2 Công ty liên kết gồm:

- Các Công ty con: Công ty CP Điện Bắc Nà
  Công ty CP Ehula
  Công ty CP Xây dựng S55
  Công ty TNHH MTV ANI SH
  Công ty CP Đầu tư Phát triển Sơn Hải Lai Châu
- Công ty liên kết: Công ty CP Thủy điện Sông Ông
  Công ty CP Dịch vụ Đầu tư IDS

Lĩnh vực kinh doanh chính: *Đầu tư tài chính và dịch vụ.*

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Nhân sự

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ kế toán và đến ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này gồm có:

Hội đồng quản trị

• Ông Đặng Văn Tuyển	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 26/03/2025
	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 26/03/2020
• Ông Đặng Quang Đạt	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 26/03/2024
		Miễn nhiệm ngày 26/03/2025
• Ông Đặng Tất Thành	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 26/03/2025
• Ông Nguyễn Việt Cường	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26/03/2025
• Ông Nguyễn Đình Phương	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 26/03/2020
		Miễn nhiệm ngày 26/03/2025
• Bà Nguyễn Thùy Dương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 06/04/2023
		Miễn nhiệm ngày 26/03/2025

Ban Kiểm soát

• Bà Đinh Thị Trang Nhung	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 26/03/2025
	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 26/03/2020
• Ông Đặng Thanh Nam	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 26/03/2024
		Miễn nhiệm ngày 26/03/2025
• Ông Nguyễn Đức Mỹ	Ủy viên	Bổ nhiệm lại ngày 26/03/2025
• Bà Vương Thị Phương Giang	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 26/03/2025

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

• Ông Đặng Tất Thành	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 26/03/2024
• Ông Nguyễn Đình Phương	Phó Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 01/04/2020
		Miễn nhiệm ngày 26/03/2025
• Ông Lê Văn Khánh	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15/10/2020
		Miễn nhiệm ngày 26/03/2025
• Bà Nguyễn Thùy Dương	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 01/10/2021

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Số 218 Đường 30/4, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Trách nhiệm của Ban Giám đốc trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở:

- Tuân thủ các quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2025, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Giám đốc
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 505

Đặng Tất Thành

Gia Lai, ngày 26 tháng 08 năm 2025

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC
THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP CỦA PRIMEGLOBAL
CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN - KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH
Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 1016/2025/BCSX-AAC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Sông Đà 505

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập ngày 26/08/2025 của Công ty Cổ phần Sông Đà 505 (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 6 đến trang 35, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2025 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 "Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện".

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, chúng tôi không thấy có vấn đề gì để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2025 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2025, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến vấn đề trình bày tại Thuyết minh số 3, Báo cáo tài chính đính kèm là Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu năm 2025 của riêng Công ty mẹ. Báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu năm 2025 để người sử dụng có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty.

Kết luận của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

M.S.D.N: 0400100707 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC
P. T. CỘNG TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN

Trần Thị Thu Hiền – Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0753-2023-010-1

Đà Nẵng, ngày 26 tháng 08 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Ngày 30 tháng 06 năm 2025

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**246.614.154.425**	**199.866.901.723**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**5**	**2.170.470.791**	**10.674.466.289**
1. Tiền	111		2.170.470.791	6.874.466.289
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	3.800.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**61.236.220.800**	**73.415.280.000**
1. Chứng khoán kinh doanh	121	6.a	193.296.552	193.296.552
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	6.a	(157.075.752)	(158.016.552)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6.b	61.200.000.000	73.380.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**182.207.742.737**	**114.990.005.221**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	107.701.810.939	108.396.640.939
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		270.452.000	270.452.000
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8.a	120.597.901.351	79.143.901.351
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	63.344.149.479	37.025.581.963
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(109.706.571.032)	(109.846.571.032)
IV. Hàng tồn kho	**140**	**11**	**769.492.137**	**769.492.137**
1. Hàng tồn kho	141		769.492.137	769.492.137
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**230.227.960**	**17.658.076**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	3.916.672
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.237.765	13.704.112
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	14	226.990.195	37.292
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**696.024.110.437**	**690.688.733.375**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**144.745.178.350**	**144.285.178.350**
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu về cho vay dài hạn	215	8.b	144.745.178.350	144.245.178.350
3. Phải thu dài hạn khác	216		-	40.000.000
II. Tài sản cố định	**220**		-	-
III. Bất động sản đầu tư	**230**		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**545.112.713.852**	**540.114.390.364**
1. Đầu tư vào công ty con	251	6c	484.270.635.000	484.270.635.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	6c	41.982.000.000	41.082.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6c	21.300.000.000	21.300.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	6c	(12.439.921.148)	(6.538.244.636)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	6d	10.000.000.000	-
VI. Tài sản dài hạn khác	**260**		**6.166.218.235**	**6.289.164.661**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	6.166.218.235	6.289.164.661
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**942.638.264.862**	**890.555.635.098**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Ngày 30 tháng 06 năm 2025

	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
C.	**NỢ PHẢI TRẢ**	**300**		**178.897.713.458**	**171.534.798.963**
I.	**Nợ ngắn hạn**	**310**		**104.863.134.448**	**83.833.553.277**
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	2.312.520.133	2.388.065.133
2.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	22.800.000	161.247.097
3.	Phải trả người lao động	314		291.281.544	69.108.747
4.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	3.511.064.078	3.527.326.408
5.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		178.473.129	178.473.129
6.	Phải trả ngắn hạn khác	319	16.a	6.711.958.518	7.011.520.587
7.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17.a	89.884.443.258	68.547.218.388
8.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		937.608.500	937.608.500
9.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.012.985.288	1.012.985.288
II.	**Nợ dài hạn**	**330**		**74.034.579.010**	**87.701.245.686**
1.	Phải trả dài hạn khác	337	16.b	367.912.350	367.912.350
2.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	17.b	73.666.666.660	87.333.333.336
D.	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**400**		**763.740.551.404**	**719.020.836.135**
I.	**Vốn chủ sở hữu**	**410**	**18**	**763.740.551.404**	**719.020.836.135**
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411	18	100.000.000.000	100.000.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*100.000.000.000*	*100.000.000.000*
	- Cổ phiếu ưu đãi	*411b*		-	-
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412	18	63.003.467.265	63.003.467.265
3.	Quỹ đầu tư phát triển	418	18	472.332.733.511	419.447.776.812
4.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	18	128.404.350.628	136.569.592.058
	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	*421a*	*18*	*83.684.635.359*	*73.684.635.359*
	- LNST chưa phân phối kỳ này	*421b*	*18*	*44.719.715.269*	*62.884.956.699*
II.	**Nguồn kinh phí và quỹ khác**	**430**		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**942.638.264.862**	**890.555.635.098**

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập biểu
Đặng Tất Thành	Nguyễn Thùy Dương	Phạm Thị Doan

Gia Lai, ngày 26 tháng 08 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2025

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2025 VND	6 tháng đầu năm 2024 VND
1.	Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	19	725.042.516	700.996.356
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		725.042.516	700.996.356
4.	Giá vốn hàng bán	11	20	310.828.136	158.396.425
5.	**Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ**	**20**		**414.214.380**	**542.599.931**
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	57.299.655.533	76.716.016.154
7.	Chi phí tài chính	22	22	11.380.982.047	9.153.929.750
	Trong đó: Chi phí lãi vay	23		*5.480.246.335*	*9.565.880.308*
8.	Chi phí bán hàng	25		-	-
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	1.610.406.350	1.388.369.099
10.	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**	**30**		**44.722.481.516**	**66.716.317.236**
11.	Thu nhập khác	31		-	-
12.	Chi phí khác	32	24	2.766.247	6.321.035
13.	**Lợi nhuận khác**	**40**		**(2.766.247)**	**(6.321.035)**
14.	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**	**50**		**44.719.715.269**	**66.709.996.201**
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	-	1.485.622.647
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	**Lợi nhuận sau thuế TNDN**	**60**		**44.719.715.269**	**65.224.373.554**

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập biểu
Đặng Tất Thành	Nguyễn Thùy Dương	Phạm Thị Doan

Gia Lai, ngày 26 tháng 08 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2025

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT – BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2025 VND	6 tháng đầu năm 2024 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		**44.719.715.269**	**66.709.996.201**
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Các khoản dự phòng	03		5.760.735.712	(411.950.558)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	21	(57.299.612.620)	(76.715.893.448)
- Chi phí lãi vay	06	22	5.480.246.335	9.565.880.308
3. Lợi nhuận từ hđ kd trước thay đổi vốn lưu động	**08**		**(1.338.915.304)**	**(851.967.497)**
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		248.195.863	4.972.374.482
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(116.154.440)	(198.748.761)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		126.863.098	194.632.024
- Tiền lãi vay đã trả	14	15, 16, 22	(5.541.688.497)	(26.792.533.288)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	14	(357.000.000)	(2.442.660.650)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		**(6.978.699.280)**	**(25.118.903.690)**
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(157.604.711.755)	(441.111.183.689)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24		117.830.711.755	639.363.800.502
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(900.000.000)	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	9,21	31.478.145.588	90.304.283.523
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		**(9.195.854.412)**	**288.556.900.336**
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33	17	71.017.159.921	804.192.403.509
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	17	(63.346.601.727)	(1.084.170.895.897)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		**7.670.558.194**	**(279.978.492.388)**
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	**50**		**(8.503.995.498)**	**(16.540.495.742)**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	10.674.466.289	25.772.003.482
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	**70**	5	**2.170.470.791**	**9.231.507.740**

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập biểu
Đặng Tất Thành	Nguyễn Thùy Dương	Phạm Thị Doan

Gia Lai, ngày 26 tháng 08 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT – BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Sông Đà 505 (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Xí nghiệp Sông Đà 505 thuộc Công ty Sông Đà 5 – Tổng Công ty Sông Đà theo Quyết định số 980/QĐ-BXD ngày 22/6/2004 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai (nay là Sở tài chính Tỉnh Gia Lai) cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3903000041 ngày 09 /08/2004. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã 13 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5900320629) và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 26/05/2025. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Đầu tư tài chính và dịch vụ.

1.3. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/06/2025, Công ty có 5 công ty con và 2 công ty liên kết như sau:

- Các Công ty con: Công ty CP Điện Bắc Nà
  Công ty CP Ehula
  Công ty CP Xây dựng S55
  Công ty TNHH MTV ANI SH
  Công ty CP Đầu tư Phát triển Sơn Hải Lai Châu
- Công ty liên kết: Công ty CP Thủy điện Sông Ông
  Công ty CP Dịch vụ Đầu tư IDS

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12. Riêng Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2025 (bắt đầu từ ngày 01/01/2025 và kết thúc vào ngày 30/06/2025).

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành.

Tại ngày 30/06/2025, Công ty có các công ty con; Theo đó, cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2025, Công ty lập đồng thời Báo cáo tài chính giữa niên độ của riêng Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Người sử dụng Báo cáo cần đọc Báo cáo tài chính giữa niên độ riêng của Công ty mẹ này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu năm 2025 để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.2 Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm: giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Khoản cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán nếu có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ bị giảm so với giá trị ghi sổ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại Công ty là các khoản tiền gởi có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá ghi sổ sau khi đã đánh giá lại. Số dự phòng tổn thất được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản phải thu về cho vay được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản cho vay đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Mối quan hệ là công ty con thường được thể hiện thông qua việc Công ty nắm giữ (trực tiếp hoặc gián tiếp) trên 50% quyền biểu quyết và có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con.

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách và hoạt động của công ty liên kết nhưng không phải kiểm soát hoặc đồng kiểm soát các chính sách này. Mối quan hệ là công ty liên kết thường được thể hiện thông qua việc Công ty nắm giữ (trực tiếp hoặc gián tiếp) từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết ở công ty đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Dự phòng

Dự phòng đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được lập nếu các khoản đầu tư này bị suy giảm giá trị hoặc bị lỗ dẫn đến khả năng mất vốn của Công ty. Riêng khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác, việc lập dự phòng được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu;
- Trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào khoản lỗ của bên nhận đầu tư.

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

4.3 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: Phải thu khách hàng và phải thu khác.

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản nợ đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền đối với nguyên vật liệu và thực tế đích danh đối với thành phẩm xây lắp. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.5 Thuê tài sản

Thuê hoạt động là việc thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán tiền thuê dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty:

- Chi phí trả trước là tiền thuê văn phòng trả trước cho toàn bộ thời gian thuê và các chi phí liên quan được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê văn phòng.
- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa đến 3 năm.
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.7 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: Phải trả người bán và phải trả khác.

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.8 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.9 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện tại Công ty là khoản tiền nhận trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán đối với các dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng được phân bổ theo số kỳ mà Công ty đã nhận tiền trước.

4.10 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

4.11 Dự phòng phải trả

Dự phòng phải trả là nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) của Công ty phát sinh từ các sự kiện đã qua và có khả năng làm giảm sút lợi ích kinh tế của Công ty do việc thanh toán khoản nợ đó. Các khoản dự phòng được ghi nhận khi nghĩa vụ nợ được ước tính một cách đáng tin cậy.

4.12 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu; Chênh lệch giữa giá tái phát hành với giá trị sổ sách, chi phí trực tiếp liên quan đến tái phát hành cổ phiếu quỹ; Cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đến hạn.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.13 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
  - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
  - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
  - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.14 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc kỳ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.

4.15 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.16 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: Chi phí lãi vay, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.17 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.18 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ kế toán với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.19 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu về cho vay, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.20 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT: Áp dụng mức thuế suất 10% đối với hoạt động cho thuê văn phòng; các hoạt động khác áp dụng theo thuế suất quy định hiện hành.
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất 20%
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.21 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2025	01/01/2025
Tiền mặt	317.728	317.728
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.170.153.063	6.874.148.561
Chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng	-	3.800.000.000
Cộng	**2.170.470.791**	**10.674.466.289**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

6. Các khoản đầu tư tài chính

a. Chứng khoán kinh doanh

	30/06/2025			01/01/2025		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Chứng khoán SDC	193.296.552	36.220.800	157.075.752	193.296.552	35.280.000	158.016.552
Cộng	**193.296.552**	**36.220.800**	**157.075.752**	**193.296.552**	**35.280.000**	**158.016.552**

Chứng khoán kinh doanh được đánh giá lại theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá giao dịch trên thị trường. Theo đó, chứng khoán SDC hiện niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội thì giá trị hợp lý là giá đóng cửa tại phiên giao dịch cuối cùng của kỳ kế toán.

b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

b.1 Ngắn hạn

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng và không quá 12 tháng	26.200.000.000	26.200.000.000	11.200.000.000	11.200.000.000
Chứng chỉ tiền gửi kỳ hạn trên 3 tháng và không quá 12 tháng	35.000.000.000	35.000.000.000	62.180.000.000	62.180.000.000
- Công ty Tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng	*12.000.000.000*	*12.000.000.000*	*17.000.000.000*	*17.000.000.000*
- Công ty Tài chính TNHH Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	-	-	*27.180.000.000*	*27.180.000.000*
- Công ty Tài chính CP Điện lực	*23.000.000.000*	*23.000.000.000*	*18.000.000.000*	*18.000.000.000*
Cộng	**61.200.000.000**	**61.200.000.000**	**73.380.000.000**	**73.380.000.000**

b.2 Dài hạn

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Chứng chỉ tiền gửi kỳ hạn trên 12 tháng	10.000.000.000	10.000.000.000	-	-
- Công ty Tài chính TNHH Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	*10.000.000.000*	*10.000.000.000*	-	-
Cộng	**10.000.000.000**	**10.000.000.000**	**-**	**-**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

c. Đầu tư góp vốn dài hạn

	Tình hình hoạt động	30/06/2025				01/01/2025	
		Tỷ lệ vốn	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào Công ty con				484.270.635.000	12.432.971.991	484.270.635.000	6.538.244.636
- Công ty CP Điện Bắc Nà (*)	*Đang hoạt động*	*51,18%*	*7.932.936*	*79.329.360.000*	-	*79.329.360.000*	-
- Công ty CP Ehula (*)	*Đang hoạt động*	*75,0%*	*28.500.000*	*285.000.000.000*	-	*285.000.000.000*	-
- Công ty CP Xây dựng S55 (*)	*Đang hoạt động*	*98,0%*	*1.960.000*	*19.600.000.000*	-	*19.600.000.000*	-
- Công ty TNHH MTV ANI SH (*)	*Đang hoạt động*	*100,0%*		*646.000.000*	-	*646.000.000*	-
- Công ty CP Đầu tư Phát triển Sơn Hải Lai Châu (**)	*Đang hoạt động*	*99,9%*	*12.487.500*	*99.695.275.000*	*12.432.971.991*	*99.695.275.000*	*6.538.244.636*
Đầu tư vào Công ty liên kết				41.982.000.000	6.949.157	41.082.000.000	-
- Công ty CP Thủy điện Sông Ông (*)	*Đang hoạt động*	*33,76%*	*2.498.000*	*41.082.000.000*	-	*41.082.000.000*	-
- Công ty CP Dịch vụ Đầu tư IDS (**)	*Đang hoạt động*	*30,0%*	*90.000*	*900.000.000*	*6.949.157*		
Đầu tư vào đơn vị khác				21.300.000.000	-	21.300.000.000	-
- Công ty CP Đầu tư Anzen (*)	*Đang hoạt động*	*19,0%*	*2.000.000*	*20.000.000.000*	-	*20.000.000.000*	-
- Công ty CP EDABA	*Tạm ngưng hoạt động*		-	*200.000.000*	-	*200.000.000*	-
- Công ty CP Năng lượng Đạ Tẻh	*Đang hoạt động*	*5,5%*	*110.000*	*1.100.000.000*	-	*1.100.000.000*	-
Cộng				**547.552.635.000**	**12.439.921.148**	**546.652.635.000**	**6.538.244.636**

(*) Báo cáo tài chính gần nhất của các công ty này đều có lãi, vốn đầu tư được bảo toàn. Do đó, Công ty ghi nhận các khoản đầu tư này theo giá gốc và không trích lập dự phòng.

(**) Công ty trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư này căn cứ vào Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2025 của các Công ty nhận đầu tư.

Ngày 05/08/2025, Công ty đã thực hiện giao dịch hoán đổi cổ phần theo Nghị quyết HĐQT số 43/NQ-S55-HĐQT ngày 08/05/2025 và Hợp đồng hoán đổi cổ phần số 01/2025/HĐCP/SĐ505-Anza ngày 05/08/2025. Theo đó, Công ty hoán đổi toàn bộ 2.000.000 cổ phần đang nắm giữ tại Công ty CP Đầu tư Anzen để nhận 1.787.000 cổ phần tại Công ty CP Ehula do Công ty CP Anza (bên liên quan) chuyển nhượng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2025	01/01/2025
Ban điều hành Dự án Thủy điện Xêkamản 3	64.197.770.402	64.197.770.402
Công ty CP ĐT & XD Điện Long Hội	9.140.575.133	9.140.575.133
Các đối tượng khác	34.363.465.404	35.058.295.404
Cộng	**107.701.810.939**	**108.396.640.939**

8. Phải thu về cho vay

a. Ngắn hạn

	30/06/2025	01/01/2025
Công ty CP Năng lượng Phúc Thái	11.120.707.003	11.120.707.003
Công ty CP Điện Bắc Nà	3.465.000.000	-
Công ty TNHH MTV Ani SH	39.768.482.593	32.118.482.593
Công ty CP Ehula	43.324.711.755	28.704.711.755
Công ty CP Đầu tư Phát triển Sơn Hải Lai Châu	21.319.000.000	7.200.000.000
Công ty CP Đầu tư Anzen	1.600.000.000	-
Cộng	**120.597.901.351**	**79.143.901.351**

b. Dài hạn

	30/06/2025	01/01/2025
Công ty CP Anza (*)	122.745.178.350	144.245.178.350
Công ty CP Thủy điện Sông Ông (**)	22.000.000.000	-
Cộng	**144.745.178.350**	**144.245.178.350**

(*) Hợp tác kinh doanh với Công ty CP Anza theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0102/HĐKD-505-ANZA ngày 01/02/2023 và các phụ lục kèm theo, thời gian: 84 tháng. Mục đích hợp tác là để Anza triển khai thực hiện tìm kiếm và đầu tư các dự án năng lượng hiệu quả. Lợi nhuận Công ty được hưởng là 9%/năm (tỷ lệ này có thể được thay đổi tùy thuộc lãi suất thị trường và sau khi được hai bên thống nhất) trên số tiền mà Công ty góp theo hợp đồng. Trong 6 tháng đầu năm 2025, Công ty được hưởng lợi nhuận 7,8%/năm theo Phụ lục hợp đồng lần 5 số 0102.1/HĐKD-505-ANZA ngày 01/04/2025.

(**) Cho Công ty CP Thủy điện Sông Ông vay theo Hợp đồng nguyên tắc số 01/HĐNT ngày 02/01/2025. Thời hạn: theo nhu cầu của 2 bên tại thời điểm vay; mục đích: phục vụ cho hoạt động đầu tư của bên vay; lãi suất: được 2 bên xác nhận bằng giấy nhận nợ tại thời điểm vay. Trong 6 tháng đầu năm 2025, Công ty đã thực hiện cho vay theo Giấy nhận nợ số 01/2025/GNN ngày 30/06/2025, số tiền: 22 tỷ đồng, thời hạn: 366 ngày, lãi suất: 6,8%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

9. Phải thu ngắn hạn khác

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu về cổ tức	30.547.004.000	-	13.499.404.000	-
Lãi dự thu, lãi cho vay	31.587.317.223	-	22.813.450.191	-
Tạm ứng	1.090.000.000	-	220.000.000	-
Phải thu người lao động	75.828.256	-	76.440.459	-
Ký cược, ký quỹ	40.000.000	-	-	-
Phải thu khác	4.000.000	-	416.287.313	-
Cộng	**63.344.149.479**	**-**	**37.025.581.963**	**-**

10. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
Số dư đầu kỳ	109.846.571.032	103.419.100.489
Trích lập dự phòng trong kỳ	-	-
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(140.000.000)	-
Số dư cuối kỳ	**109.706.571.032**	**103.419.100.489**

Trong đó: Nợ xấu

	30/06/2025		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
BDH dự án thủy điện Xêkaman3	64.197.770.402	-	> 3 năm
Tổng công ty Sông Đà	7.988.288.572	-	> 3 năm
Công ty cổ phần Sông Đà 3	1.618.562.092	-	> 3 năm
Công ty CP ĐT &XD Điện Long Hội	9.140.575.133	-	> 3 năm
BĐH dự án TĐ Hủa Na	1.051.880.076	-	> 3 năm
Công ty CP XL dầu khí PVC Trường Sơn	10.492.428.212	-	> 3 năm
Các đối tượng khác	17.917.217.573	2.700.151.028	Từ 6 tháng đến 3 năm
Cộng	**112.406.722.060**	**2.700.151.028**	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11. Hàng tồn kho

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí SX, KD dở dang	769.492.137	-	769.492.137	-
Cộng	**769.492.137**	**-**	**769.492.137**	**-**

12. Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2025	01/01/2025
Tiền thuê văn phòng tại tòa nhà HH4 Song Da Twin (*)	6.166.218.235	6.289.164.661
Cộng	**6.166.218.235**	**6.289.164.661**

(*) Thuê tầng 12 nhà B Tòa nhà HH4 Song Da Twin Tower tại đường Phạm Hùng, Phường Từ Liêm, Thành phố Hà Nội theo Hợp đồng số 17/2009/HĐTN/TCT-SĐ505 ngày 30/08/2009 với Tổng Công ty Sông Đà. Tổng số tiền thuê trả một lần là 10.327.500.000 đồng. Thời gian thuê đến tháng 6/2053.

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2025	01/01/2025
Công ty CP Trọng Tín Quảng Nam	317.130.752	317.130.752
Công ty TNHH MTV Đóng & Sửa tàu Hải Minh	1.390.558.210	1.390.558.210
Các đối tượng khác	604.831.171	680.376.171
Cộng	**2.312.520.133**	**2.388.065.133**

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu kỳ		Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ	
	Phải thu	Phải nộp			Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	-	17.661.775	17.661.775	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	130.047.097	-	357.000.000	226.952.903	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	31.200.000	26.021.753	34.421.753	-	22.800.000
Phí và lệ phí	37.292	-	3.000.000	3.000.000	37.292	-
Cộng	**37.292**	**161.247.097**	**46.683.528**	**412.083.528**	**226.990.195**	**22.800.000**

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2025	01/01/2025
Trích trước chi phí lãi vay	142.965.531	159.227.861
Chi phí NVL, thi công công trình chưa có HĐTC	3.368.098.547	3.368.098.547
Cộng	**3.511.064.078**	**3.527.326.408**

16. Phải trả khác

a. Ngắn hạn

	30/06/2025	01/01/2025
Kinh phí công đoàn	10.324.510	12.258.480
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	60.361.500	60.361.500
Phải trả khác	6.641.272.508	6.938.900.607
- Ông Trần Quang Hòa (*)	*5.000.000.000*	*5.000.000.000*
- Tiền đoàn phí công đoàn	*2.456.659*	*7.030.857*
- Thuế TNCN của CBCNV tại Lào	*985.570.770*	*985.570.770*
- Lãi vay phải trả	*55.748.856*	*100.928.688*
- Các khoản phải trả khác	*597.496.223*	*845.370.292*
Cộng	**6.711.958.518**	**7.011.520.587**

(*) Phải trả khác cho Ông Trần Quang Hòa theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 04/2024/HĐCN ngày 29/10/2024 về việc Công ty nhận chuyển nhượng cổ phần tại Công ty CP Đầu tư Phát triển Sơn Hải Lai Châu.

b. Dài hạn

	30/06/2025	01/01/2025
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	367.912.350	367.912.350
Cộng	**367.912.350**	**367.912.350**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. Vay và nợ thuê tài chính

a. Ngắn hạn

	Đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Cuối kỳ
Vay ngắn hạn	51.094.618.394	301.709.066.673	281.157.175.146	71.646.509.921
- Khoản vay thấu chi BIDV	*39.612.850.593*	*248.279.054.637*	*225.269.757.345*	*62.622.147.885*
- Công ty CP Thủy điện Sông Ông	-	*15.400.012.036*	*10.755.000.000*	*4.645.012.036*
- Công ty CP Xây dựng S55	*10.852.417.801*	*8.350.000.000*	*15.452.417.801*	*3.750.000.000*
- Các tổ chức khác	-	*18.900.000.000*	*18.900.000.000*	-
- Cán bộ công nhân viên	*629.350.000*	*10.780.000.000*	*10.780.000.000*	*629.350.000*
+ Ông Đặng Quang Đạt	-	*10.780.000.000*	*10.780.000.000*	-
+ Các cá nhân khác	*629.350.000*	-	-	*629.350.000*
Vay dài hạn đến hạn trả	17.452.599.994	13.666.666.676	12.881.333.333	18.237.933.337
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Tây Sài Gòn	*17.452.599.994*	*13.666.666.676*	*12.881.333.333*	*18.237.933.337*
Cộng	**68.547.218.388**	**315.375.733.349**	**294.038.508.479**	**89.884.443.258**

b. Dài hạn

	Đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Cuối kỳ
Vay dài hạn	104.785.933.330	-	12.881.333.333	91.904.599.997
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Tây Sài Gòn	*104.785.933.330*	-	*12.881.333.333*	*91.904.599.997*
Cộng	**104.785.933.330**	**-**	**12.881.333.333**	**91.904.599.997**
Trong đó:				
- Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 1 năm	17.452.599.994			18.237.933.337
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	**87.333.333.336**			**73.666.666.660**

Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Sài Gòn theo hợp đồng vay số 017/23/02/0073 ngày 26/04/2023 với thời hạn vay: 60 tháng. Mục đích sử dụng tiền vay: Tài trợ các chi phí hợp pháp, hợp lý, hợp lệ liên quan đến hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0102/HĐKD-505-ANZA ngày 01/02/2023 (Xem thuyết minh số 8.b). Lãi suất vay hiện hành: 7,4%/năm. Các tài sản đảm bảo xem tại thuyết minh số 28e.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư tại 01/01/2024	**100.000.000.000**	**63.003.467.265**	**376.008.916.942**	**132.123.495.229**
Tăng trong năm	-	-	43.438.859.870	62.884.956.699
Giảm trong năm	-	-	-	58.438.859.870
Số dư tại 31/12/2024	**100.000.000.000**	**63.003.467.265**	**419.447.776.812**	**136.569.592.058**
Số dư tại 01/01/2025	**100.000.000.000**	**63.003.467.265**	**419.447.776.812**	**136.569.592.058**
Tăng trong kỳ	-	-	52.884.956.699	44.719.715.269
Giảm trong kỳ	-	-	-	52.884.956.699
Số dư tại 30/06/2025	**100.000.000.000**	**63.003.467.265**	**472.332.733.511**	**128.404.350.628**

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2025	01/01/2025
Công ty CP Anza	74.967.520.000	74.967.520.000
Vốn góp của các cổ đông khác	25.032.480.000	25.032.480.000
Cộng	**100.000.000.000**	**100.000.000.000**

c. Cổ phiếu

	30/06/2025 Cổ phiếu	01/01/2025 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.000.000	10.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	*10.000.000*	*10.000.000*
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.000.000	10.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	*10.000.000*	*10.000.000*
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	6 tháng đầu năm 2025	Năm 2024
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	136.569.592.058	132.123.495.229
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này	44.719.715.269	62.884.956.699
Phân phối lợi nhuận	52.884.956.699	58.438.859.870
- Phân phối lợi nhuận năm trước (*)	52.884.956.699	58.438.859.870
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	*52.884.956.699*	*43.438.859.870*
+ Trả cổ tức	-	*15.000.000.000*
- Tạm phân phối lợi nhuận trong kỳ	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ	**128.404.350.628**	**136.569.592.058**

(*) Lợi nhuận sau thuế năm 2024 được phân phối theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 29/NQ-S55-ĐH25 ngày 26/03/2025.

e. Cổ tức

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 ngày 26/03/2025 đã thông qua phương án trả cổ tức năm 2024 bằng tiền mặt với tỷ lệ 10% vốn điều lệ (tương ứng 10.000.000.000 đồng). Công ty chốt danh sách cổ đông chia cổ tức vào ngày: 07/07/2025, ngày thực hiện: 31/07/2025.

19. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
Doanh thu dịch vụ	725.042.516	700.996.356
Cộng	**725.042.516**	**700.996.356**

20. Giá vốn hàng bán

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
Giá vốn dịch vụ	310.828.136	158.396.425
Cộng	**310.828.136**	**158.396.425**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

21. Doanh thu hoạt động tài chính

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	11.293.660.620	17.295.689.448
Cổ tức, lợi nhuận được chia	46.005.952.000	59.420.204.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	42.913	122.706
Cộng	**57.299.655.533**	**76.716.016.154**

22. Chi phí tài chính

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
Chi phí lãi vay	5.480.246.335	9.565.880.308
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	5.900.735.712	(411.950.558)
Cộng	**11.380.982.047**	**9.153.929.750**

23. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ	4.371.672	13.842.423
Chi phí nhân viên	1.066.402.570	746.995.884
Chi phí dịch vụ mua ngoài	485.620.539	537.534.205
Các khoản khác	194.011.569	89.996.587
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng nợ phải thu khó đòi	(140.000.000)	-
Cộng	**1.610.406.350**	**1.388.369.099**

24. Chi phí khác

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
Các khoản bị phạt và truy thu	2.766.247	6.321.035
Cộng	**2.766.247**	**6.321.035**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

25. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	44.719.715.269	66.709.996.201
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	(45.871.185.753)	(59.281.882.965)
- Điều chỉnh tăng	134.766.247	138.321.035
+ Các khoản phạt, truy thu thuế	*2.766.247*	*6.321.035*
+ Thù lao của HĐQT không chuyên trách	*132.000.000*	*132.000.000*
- Điều chỉnh giảm	46.005.952.000	59.420.204.000
+ Cổ tức lợi nhuận được chia	*46.005.952.000*	*59.420.204.000*
Tổng thu nhập chịu thuế	(1.151.470.484)	7.428.113.236
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**-**	**1.485.622.647**

26. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.371.672	13.842.423
Chi phí nhân công	1.066.402.570	746.995.884
Chi phí dịch vụ mua ngoài	796.448.675	695.930.630
Chi phí khác bằng tiền	194.011.569	89.996.587
Cộng	**2.061.234.486**	**1.546.765.524**

27. Quản lý rủi ro

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về lãi suất, rủi ro về tỷ giá và rủi ro về giá nguyên liệu), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Ban Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty đã chuyển giao hoạt động xây lắp công trình cho Công ty con, do đó tỷ trọng chi phí nguyên vật liệu và dịch vụ chiếm tỷ trọng không đáng kể trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty luôn lựa chọn nhà cung cấp uy tín, chất lượng để phục vụ khi có nhu cầu. Với đặc điểm và chính sách quản

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

lý về giá trên, Ban Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động về giá ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tài chính là một số khoản nợ phải thu lớn. Để giảm thiểu rủi ro tín dụng này, Công ty thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá, phân loại công nợ, xếp hạng công nợ, đôn đốc thu hồi công nợ và lập dự phòng rủi ro các khoản nợ quá hạn thanh toán.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhàn rỗi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,…

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

30/06/2025	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	2.312.520.133	-	2.312.520.133
Chi phí phải trả	3.511.064.078	-	3.511.064.078
Vay và nợ thuê tài chính	89.884.443.258	73.666.666.660	163.551.109.918
Phải trả khác	6.699.177.349	367.912.350	7.067.089.699
Cộng	**102.407.204.818**	**74.034.579.010**	**176.441.783.828**

01/01/2025	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	2.388.065.133	-	2.388.065.133
Chi phí phải trả	3.527.326.408	-	3.527.326.408
Vay và nợ thuê tài chính	68.547.218.388	87.333.333.336	155.880.551.724
Phải trả khác	6.992.231.250	367.912.350	7.360.143.600
Cộng	**81.454.841.179**	**87.701.245.686**	**169.156.086.865**

Ban Giám đốc cho rằng Công ty không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

30/06/2025	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.170.470.791		2.170.470.791
Đầu tư tài chính	61.236.220.800	31.300.000.000	92.536.220.800
Phải thu khách hàng	7.805.057.809	-	7.805.057.809
Phải thu về cho vay	110.788.083.449	144.745.178.350	255.533.261.799
Phải thu khác	62.254.149.479	-	62.254.149.479
Cộng	**244.253.982.328**	**186.045.178.350**	**430.299.160.678**

01/01/2025	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.674.466.289		10.674.466.289
Đầu tư tài chính	73.415.280.000	21.300.000.000	94.715.280.000
Phải thu khách hàng	8.359.887.809	-	8.359.887.809
Phải thu về cho vay	69.334.083.449	144.245.178.350	213.579.261.799
Phải thu khác	36.805.581.963	40.000.000	36.845.581.963
Cộng	**198.589.299.510**	**165.585.178.350**	**364.174.477.860**

28. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

	Mối quan hệ
Công ty CP Anza	Công ty mẹ
Công ty CP Điện Bắc Nà	Công ty con
Công ty CP Ehula	Công ty con
Công ty CP Xây dựng S55	Công ty con
Công ty TNHH MTV ANI SH	Công ty con
Công ty CP Thủy điện Sông Ông	Công ty liên kết
Công ty CP Đầu tư Anzen	Công ty nhận đầu tư
Công ty CP Ani	Công ty liên quan của Giám đốc
Ông Đặng Quang Đạt	Chủ tịch HĐQT (đã miễn nhiệm ngày 26/03/2025)
Ông Đặng Tất Thành	Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Hương	Người có liên quan với Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan

	Giao dịch	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
Công ty CP Anza	Cho vay	-	29.560.000.000
	Thu hồi tiền cho vay	21.500.000.000	54.740.000.000
	Lãi cho vay	5.895.489.111	7.872.426.524
	Mua dịch vụ	7.000.000	-
Công ty CP Điện Bắc Nà	Nhận tiền vay	-	5.630.000.000
	Trả tiền vay	-	5.630.000.000
	Lãi vay	-	2.073.151
	Cho vay	10.755.000.000	44.645.000.000
	Thu hồi tiền cho vay	7.290.000.000	27.770.000.000
	Lãi cho vay	119.850.204	590.171.848
	Cổ tức được chia	-	11.899.404.000
Công ty CP Ehula	Nhận tiền vay	-	10.300.000.000
	Trả tiền vay	-	10.791.788.245
	Lãi vay	-	35.081.262
	Cho vay	60.620.000.000	106.304.711.755
	Thu hồi tiền cho vay	46.000.000.000	57.000.000.000
	Lãi cho vay	524.889.177	758.874.634
	Cổ tức được chia	28.500.000.000	21.375.000.000
	Cổ tức đã nhận	14.250.000.000	35.625.000.000
Công ty CP Xây dựng S55	Cho vay	-	94.302.000.000
	Thu hồi tiền cho vay	-	411.278.261.199
	Lãi cho vay	-	3.564.089.896
	Thu lãi cho vay	-	23.313.575.252
	Nhận tiền vay	8.350.000.000	33.900.000.000
	Trả tiền vay	15.452.417.801	29.559.113.131
	Lãi vay	224.233.995	248.218.548
	Cổ tức được chia	9.408.000.000	19.600.000.000
	Cổ tức đã nhận	9.408.000.000	19.600.000.000
Công ty TNHH MTV ANI SH	Cho vay	16.150.000.000	6.689.447.779
	Thu hồi tiền cho vay	8.500.000.000	7.212.447.779
	Lãi cho vay	1.269.446.256	30.702.698
	Nhận tiền vay	-	7.083.552.221
	Trả tiền vay	-	7.083.552.221
	Lãi vay	-	13.361.216
Công ty CP Đầu tư Phát triển Sơn Hải Lai Châu	Cho vay	21.795.000.000	-
	Thu hồi tiền cho vay	7.676.000.000	-
	Lãi cho vay	420.426.929	-
Công ty CP Thủy điện Sông Ông	Cổ tức được chia	5.495.600.000	5.245.800.000
	Cổ tức đã nhận	2.498.000.000	3.247.400.000
	Nhận tiền vay	15.400.012.036	8.157.861.045
	Trả tiền vay	10.755.000.000	7.194.082.593
	Lãi vay	58.968.932	38.405.488
	Cho vay	24.099.478.747	1.659.517.407
	Thu hồi tiền cho vay	2.099.478.747	1.659.517.407
	Lãi cho vay	5.397.765	4.405.983

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

	Giao dịch	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
Công ty CP Đầu tư Anzen	Cổ tức được chia	2.600.000.000	1.300.000.000
	Cổ tức đã nhận	2.800.000.000	1.400.000.000
	Nhận tiền vay	4.300.000.000	3.650.000.000
	Trả tiền vay	4.300.000.000	3.650.000.000
	Lãi vay	23.728.274	7.647.945
	Cho vay	5.980.000.000	26.091.200.000
	Thu hồi tiền cho vay	4.380.000.000	26.091.200.000
	Lãi cho vay	6.082.657	19.785.480
Công ty CP Ani	Cho vay	42.000.000.000	-
	Thu hồi tiền cho vay	42.000.000.000	-
	Lãi cho vay	10.454.795	-
	Nhận tiền vay	14.600.000.000	-
	Trả tiền vay	14.600.000.000	-
	Lãi vay	48.760.000	-
Ông Đặng Quang Đạt	Nhận tiền vay	10.780.000.000	39.326.931.607
	Trả tiền vay	10.780.000.000	304.291.231.607
	Lãi vay	64.435.068	3.545.533.309
	Trả lãi vay	64.435.068	20.405.188.361
	Cho vay	-	15.590.024.155
	Thu hồi tiền cho vay	-	14.983.091.524
	Lãi cho vay	-	60.061.556
Bà Nguyễn Thị Hương	Nhận tiền vay	-	2.000.000.000
	Trả tiền vay	-	6.500.000.000
	Lãi vay	-	59.068.493

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

c. Số dư với các bên liên quan

	Khoản mục	30/06/2025	01/01/2025
Công ty CP Anza	Phải thu ngắn hạn khác	23.028.876.109	17.133.386.998
	Phải thu về cho vay dài hạn	122.745.178.350	144.245.178.350
Công ty CP Điện Bắc Nà	Phải thu về cho vay ngắn hạn	3.465.000.000	-
	Phải thu ngắn hạn khác (cổ tức được chia)	11.899.404.000	11.899.404.000
	Phải thu ngắn hạn khác	119.850.204	-
Công ty CP Ehula	Phải thu ngắn hạn khác (lãi cho vay)	2.330.848.613	1.805.959.436
	Phải thu ngắn hạn khác (cổ tức được chia)	14.250.000.000	-
	Phải thu về cho vay ngắn hạn	43.324.711.755	28.704.711.755
Công ty CP Xây dựng S55	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	3.750.000.000	10.852.417.801
	Phải trả ngắn hạn khác	21.091.095	309.328.063
Công ty TNHH MTV Ani SH	Phải thu về cho vay ngắn hạn	39.768.482.593	32.118.482.593
	Phải thu ngắn hạn khác	2.625.330.051	1.355.883.795
	Phải trả ngắn hạn khác	12.626.250	12.626.250
Công ty CP Đầu tư Phát triển Sơn Hải Lai Châu	Phải thu về cho vay ngắn hạn	21.319.000.000	7.200.000.000
	Phải thu ngắn hạn khác	422.794.052	2.367.123
Công ty CP Đầu tư Anzen	Phải thu ngắn hạn khác (cổ tức được chia)	1.400.000.000	1.600.000.000
	Phải thu ngắn hạn khác (lãi cho vay)	929.315	-
	Phải thu về cho vay ngắn hạn	1.600.000.000	-
Công ty CP Thủy điện Sông Ông	Phải thu về cho vay dài hạn	22.000.000.000	-
	Phải thu ngắn hạn khác (lãi cho vay)	4.098.630	-
	Phải thu ngắn hạn khác (cổ tức được chia)	2.997.600.000	-
	Phải trả ngắn hạn khác	34.657.761	-
	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	4.645.012.036	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

d. Thu nhập của các thành viên chủ chốt

Bên liên quan	Chức danh	Thu nhập, thù lao	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
Ông Đặng Văn Tuyển	Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm ngày 26/03/2025)	Thù lao	30.000.000	-
	Thành viên HĐQT	Thù lao	24.000.000	48.000.000
		Lương, thưởng, phụ cấp	66.000.000	65.803.000
Ông Đặng Quang Đạt	Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm ngày 26/03/2025)	Thù lao	30.000.000	30.000.000
	Phó Chủ tịch HĐQT (Đã miễn nhiệm)	Thù lao	-	24.000.000
Ông Đặng Tất Thành	Chủ tịch HĐQT (Đã miễn nhiệm)	Thù lao	-	30.000.000
	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm lại ngày 26/03/2025)	Thù lao	48.000.000	24.000.000
Ông Nguyễn Việt Cường	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 26/03/2025)	Thù lao	24.000.000	-
Ông Nguyễn Đình Phương	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 26/03/2025)	Thù lao	24.000.000	48.000.000
Bà Đinh Thị Trang Nhung	Trưởng Ban kiểm soát (Bổ nhiệm ngày 26/03/2025)	Thù lao	6.000.000	-
	Ủy viên BKS	Thù lao	3.000.000	24.000.000
Ông Đặng Thanh Nam	Trưởng Ban kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 26/03/2025)	Thù lao	6.000.000	18.000.000
Bà Trịnh Thị Mỹ Hạnh	Trưởng Ban kiểm soát (Đã miễn nhiệm)	Thù lao	-	18.000.000
Bà Vương Thị Phương Giang	Ủy viên BKS (Bổ nhiệm ngày 26/03/2025)	Thù lao	3.000.000	-
Ông Nguyễn Đức Mỹ	Ủy viên BKS (Bổ nhiệm lại ngày 26/03/2025)	Thù lao	6.000.000	24.000.000
Bà Nguyễn Thùy Dương	Thành viên HĐQT (Đã miễn nhiệm)	Thù lao	24.000.000	48.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

e. Tài sản thế chấp cho các khoản vay của Công ty

e.1. Thế chấp tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam

- Khoản tiền gửi có kỳ hạn với giá trị 47 tỷ đồng của Ông Đặng Quang Đạt và Bà Nguyễn Thị Hương đang được sử dụng để thế chấp cho khoản vay của Công ty theo Hợp đồng cầm cố tiền gửi số 01/2024/369585/HĐBĐ ngày 20/03/2024.
- Khoản tiền gửi có kỳ hạn với giá trị 30,94 tỷ đồng của Ông Đặng Tất Thành đang được sử dụng để thế chấp cho khoản vay của Công ty theo Hợp đồng cầm cố tiền gửi số 01/2025/10334639/HĐCC ngày 14/05/2025.

e.2. Thế chấp tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Sài Gòn

Các tài sản của bên liên quan đang được thế chấp cho khoản vay của Công ty như sau:

- ✓ Toàn bộ tài sản (Quyền sử dụng đất – nếu đủ điều kiện thế chấp theo quy định của pháp luật, tài sản gắn liền với đất, máy móc thiết bị) của Nhà máy thủy điện Sông Ông thuộc sở hữu của Công ty CP Thủy điện Sông Ông.
- ✓ Toàn bộ cổ phần của các cổ đông tại Công ty CP Thủy điện Sông Ông.
- ✓ Toàn bộ tài sản hình thành từ Dự án đầu tư "Nhà máy thủy điện Phú Tân 2" thuộc sở hữu của Công ty CP Ani Power (bảo đảm thứ cấp).

29. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Công ty đã có thông báo chốt danh sách cổ đông vào ngày 07/07/2025 để chia cổ tức bằng tiền với tỷ lệ 10% vốn điều lệ và ngày thực hiện 31/07/2025.

Ngoài ra, không có sự kiện quan trọng nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

30. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu trong Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024. Số liệu so sánh của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên là số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2024. Các báo cáo này đã được kiểm toán và soát xét bởi AAC.

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập biểu
Đặng Tất Thành	Nguyễn Thùy Dương	Phạm Thị Doan

Gia Lai, ngày 26 tháng 08 năm 2025